

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

Bản án số: 436/2023/HS-PT

Ngày: 15/12/2023.

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Tuấn Anh.

Các Thẩm phán:

1. Ông Hoàng Bích Sơn.

2. Ông Trương Công Huân.

- Thư ký phiên tòa: Ông Lê Trọng Hưng – Thư ký Tòa án.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Ông Trần Đức Đăng Khương - Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 12 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 364/2023/HSPT ngày 13/10/2023 đối với bị cáo Lê Thành D, do có kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh đối với bản án hình sự sơ thẩm số 206/2023/HSST ngày 07/9/2023 của Tòa án nhân dân quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh.

Bị cáo bị kháng nghị:

Họ và tên: Lê Thành D; sinh năm: 1971; tại: tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu; nơi đăng ký nhân khẩu thường trú: số C đường L, Phường A, quận G, Thành phố Hồ Chí Minh; nghề nghiệp: Không; trình độ học vấn: 7/12; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; con ông Lê Văn T, sinh năm 1933 (đã chết) và bà Nguyễn Thị H, sinh năm 1938 (đã chết); vợ, con: Chưa có; tiền án, tiền sự: Không;

- Nhân thân: Ngày 30/06/1992, bị Tòa án nhân dân quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh xử phạt 06 tháng tù, về tội “Trộm cắp tài sản của công dân” tại bản án số 66/HSST (đã chấp hành xong hình phạt). Ngày 29/03/1994, bị Tòa án nhân dân quận Bình Thạnh, Thành phố C xử phạt 18 tháng tù, về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản của công dân” tại bản án số 90/HSST (đã chấp hành xong hình phạt tù); chưa thi hành các khoản tiền án phí và nghĩa vụ dân sự (xác minh tại Chi cục Thi hành án dân sự quận Bình Thạnh chưa thụ lý thi hành bản án).

- Bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 18/4/2023 (có mặt).

Những người tham gia tố tụng khác không có kháng cáo và không bị kháng nghị: Không triệu tập.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào ngày 10/8/2002, bị cáo Lê Thành D đi bộ lang thang đến ngã tư Đ liệt sỹ Phường A, quận G thì gặp anh Lê Phong V, là người quen biết với D đang hành nghề chạy xe ôm. Lúc này, D nảy sinh ý định chiếm đoạt xe gắn máy hiệu Surprise Best, biển số 53V8-4314 của anh V nên D đi tới giả vờ nói anh V chở D xuống đường Dương Quảng H1, quận G, anh V đồng ý chạy xe chở D đi. Khi đến trước địa chỉ số A P, Phường G, quận G thì D kêu anh V dừng xe lại, rồi nói dối anh V “cho mượn xe vô đây lấy đồ”, anh V tin tưởng và giao xe cho D. Sau khi chiếm đoạt được xe của anh V, D chạy xe đến đường T, Quận A bán cho một người đàn ông (không rõ lai lịch) được 1.500.000 đồng, số tiền này D tiêu xài cá nhân hết và lẩn trốn nhiều nơi trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh, không cố định. Đến năm 2011, D về cư ngụ tại địa chỉ: 4 B, phường B, thành phố T, tỉnh Bình Dương cho đến nay và không biết bản thân bị Cơ quan điều tra Công an quận G truy nã.

Tại Cơ quan điều tra, D khai khoảng 02 tháng sau khi D chiếm đoạt xe của anh V thì D có gặp anh V tại khu ngã 6, quận G và D đã trả cho anh V số tiền 1.500.000 đồng. Sau đó, D không còn liên lạc với anh V. Lần gần nhất D gặp anh V ở phường A, Quận A và nghe anh V nói đã bán nhà ở quận G chuyển đi đâu không rõ.

Ngày 08/4/2022, Cơ quan điều tra ra Quyết định phục hồi điều tra bị can và ra Lệnh bắt để tạm giam đối với Lê Thành D nhưng D không có mặt tại địa phương nên đến ngày 18/04/2022, ra Quyết định truy nã bị can đối với Lê Thành D và ra Quyết định tạm đình chỉ điều tra (vụ án hình sự; bị can).

Đến ngày 18/04/2023, Tổ công tác truy nã Công an quận G phát hiện Lê Thành D đang lẩn trốn tại phường H, thành phố T nên phối hợp với Công an phường H bắt giữ D theo Quyết định truy nã số 08/QĐ ngày 18/04/2022.

Ngày 21/04/2023, Cơ quan điều tra ra Quyết định phục hồi điều tra vụ án hình sự, Quyết định phục hồi điều tra đối với Lê Thành D để điều tra.

Tại bản kết luận định giá tài sản số 40/KL-HĐĐGTS của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự quận G về giá trị tài sản bị chiếm đoạt: 01 xe mô tô hiệu Surprise Best, biển số 53V8-4314, số khung MG11001874375, số máy LC153FMH201874375 tại thời điểm định giá ngày 08/10/2002 trị giá 5.816.823 đồng.

Tại bản án hình sự sơ thẩm số 206/2023/HSST ngày 07/9/2023 của Tòa án nhân dân quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh, đã quyết định: Tuyên bố bị cáo Lê Thành D, phạm tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”.

- Căn cứ điểm d khoản 2 Điều 174; điểm b,s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017;

Xử phạt bị cáo Lê Thành D 02 (hai) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày 18/4/2023.

- Ngoài ra, án sơ thẩm còn tuyên về án phí và quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Sau khi xét xử sơ thẩm, Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh có Quyết định kháng nghị phúc thẩm số 54/QĐ-VKS ngày 05/10/2023 đối với bản án nêu trên đề nghị Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí xét xử phúc thẩm theo hướng sửa bản án sơ thẩm, áp dụng khoản 1 Điều 174 Bộ luật Hình sự 2015 (sửa đổi bổ sung năm 2017) để xét xử đối với bị cáo Lê Thành D, về tội: “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” và giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát giữ nguyên Quyết định kháng nghị phúc thẩm nêu trên.

Trong phần tranh luận, đại diện Viện kiểm sát sau khi tóm tắt nội dung vụ án, phân tích về tính chất, mức độ phạm tội và hậu quả nguy hiểm cho xã hội. Đã kết luận đủ căn cứ xác định bản án sơ thẩm xét xử bị cáo Lê Thành D, về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” - tội phạm và hình phạt được quy định tại Điều 174 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) là có căn cứ pháp luật. Sau khi xét xử sơ thẩm, Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh ban hành Quyết định kháng nghị phúc thẩm trong thời gian luật định và hợp lệ nên được chấp nhận để xét xử theo trình tự phúc thẩm.

Về nội dung kháng nghị: Xét, bản án sơ thẩm xét xử bị cáo Lê Thành D về tội: “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” với tình tiết định khung “tái phạm nguy hiểm”, là chưa đảm bảo tính có căn cứ pháp luật, gây bất lợi và ảnh hưởng đến nhân thân bị cáo. Bởi lẽ: căn cứ khoản 1, khoản 2 Điều 60; khoản 2, khoản 3 Điều 70 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) thì lần Lê Thành D phạm tội bị Tòa án nhân dân quận Bình Thạnh, Thành phố C xử phạt 18 tháng tù, về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản của công dân” tại bản án số 90/HSST ngày 29/03/1994 (qua xác minh, Chi cục Thi hành án dân sự quận Bình Thạnh chưa thụ lý thi hành bản án) đã hết thời hiệu thi hành bản án và đến ngày 29/4/2001, bị cáo D đã đương nhiên được xóa án tích nên lần phạm tội này của bị cáo không thuộc trường hợp “tái phạm nguy hiểm”.

Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm b khoản 1 Điều 355; điểm c khoản 2 Điều 357 Bộ luật Tố tụng hình sự 2015, tuyên xử:

- Chấp nhận kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh, sửa bản án sơ thẩm theo hướng giảm hình phạt tù cho bị cáo.

- Áp dụng khoản 1 Điều 174; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017: xử phạt bị cáo Lê Thành D từ 01 năm đến 01 năm 06 tháng tù, về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”.

Bị cáo Lê Thành D không tranh luận, lời nói sau cùng, bị cáo đề nghị xem xét giảm nhẹ hình phạt để sớm chấp hành xong bản án, làm lại cuộc đời.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Tại phiên tòa, bị cáo Lê Thành D đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình phù hợp nội dung bản án sơ thẩm và bản Cáo trạng truy tố; lời khai nhận của bị cáo tại cấp sơ thẩm và phúc thẩm, phù hợp với các tài liệu, chứng cứ như: Biên bản tiếp nhận nguồn tin tố giác về tội phạm, biên bản nhận dạng, lời khai của bị hại, bản kết luận định giá về tài sản, cùng các tài liệu, biên bản về hoạt động tố tụng khác của Cơ quan Cảnh sát điều tra đã thu thập có trong hồ sơ vụ án.

Xét, đã có đủ cơ sở để kết luận: Do quen biết với anh Lê Xuân V1 hành nghề chạy xe ôm, muốn có tiền tiêu xài nên vào ngày 10/8/2022, bị cáo Lê Thành D đã lợi dụng sự quen biết với anh V1, bằng thủ đoạn nói dối mượn xe đi công chuyện làm anh V1 tin tưởng giao tài sản để thực hiện hành vi chiếm đoạt 01 chiếc xe máy hiệu Surprise Best màu đỏ biển số 53V8-4314 (có trị giá 5.816.823 đồng) của anh V1 mang bán lấy tiền tiêu xài, rồi bỏ trốn.

Như vậy, với trị giá tài sản chiếm đoạt là 5.816.823 đồng (thuộc trường hợp có trị giá dưới 50 triệu đồng) và hành vi trên của bị cáo Lê Thành D đã phạm vào tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” - tội phạm và hình phạt được quy định tại khoản 1 Điều 139 Bộ luật Hình sự năm 1999 (sửa đổi, bổ sung năm 2009) tương ứng với quy định tại khoản 1 Điều 174 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

Theo đó, do hành vi phạm tội của bị cáo đã thực hiện trước 00 giờ 00 phút ngày 01/01/2018 nên cấp sơ thẩm đã nhận định và áp dụng nguyên tắc có lợi cho bị cáo theo quy định tại khoản 3 Điều 7 Bộ luật Hình sự 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) và Nghị quyết số 41/2017/QH14 ngày 20/6/2017 của Quốc Hội để xét xử bị cáo Lê Thành D, về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” theo quy định tại Điều 174 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017), là có cơ sở pháp luật, đúng người, đúng tội, không oan sai.

Xét về nhân thân, bị cáo Lê Thành D đã 02 lần bị xét xử, trong đó lần phạm tội sau bị Tòa án nhân dân quận Bình Thạnh xét xử tuyên phạt 18 tháng tù, về tội: “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản của công dân” tại bản án số 90/HSST ngày 29/03/1994 (đã chấp hành xong hình phạt tù; đối với phần nghĩa vụ về án phí và nghĩa vụ về dân sự: xác minh tại Chi cục Thi hành án dân sự quận Bình Thạnh

chưa thụ lý thi hành bản án) nên đã hết thời hiệu 05 năm thi hành bản án và bị cáo không thực hiện hành vi phạm tội mới trong thời hạn 02 năm kể từ khi hết thời hiệu thi hành bản án - theo quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 60 và khoản 2, khoản 3 Điều 70 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) thì đến ngày 30/4/2001, bị cáo Lê Thành D đã đương nhiên được xóa án tích. Tuy nhiên, khi quyết định hình phạt cấp sơ thẩm lại nhận định để xét xử bị cáo Lê Thành D về tội: “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”, với tình tiết định khung tăng nặng: “tái phạm nguy hiểm” theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 174 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) là chưa chính xác và gây bất lợi cho bị cáo, cần lưu ý rút kinh nghiệm khi áp dụng pháp luật.

[2]. Về yêu cầu kháng nghị phúc thẩm:

[2.1]. Về hình thức: Sau khi xét xử sơ thẩm, Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh có Quyết định kháng nghị phúc thẩm ban hành trong thời hạn luật định và hợp lệ theo quy định tại Điều 336 và khoản 1 Điều 337 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015 nên được chấp nhận để xét xử theo trình tự phúc thẩm.

[2.2]. Về nội dung: Nhận định tại mục [1] nêu trên của Hội đồng xét xử cũng là căn cứ để chấp nhận nội dung kháng nghị về tội danh, khung hình phạt và điều luật viện dẫn để xét xử đối với bị cáo Lê Thành D.

Khi quyết định hình phạt, cấp sơ thẩm đã nhận định về các tình tiết giảm nhẹ: bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; đã tích cực bồi thường cho bị hại; bị hại xin giảm nhẹ hình phạt; gia đình bị cáo thuộc thành phần lao động nghèo - để áp dụng theo quy định tại điểm b, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017), là có căn cứ pháp luật.

Xét về tính chất, mức độ phạm tội, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và bị cáo có nhân thân xấu (02 lần bị xét xử về các tội chiếm đoạt về tài sản - đã được đương nhiên xóa án tích nhưng cần lưu ý khi quyết định hình phạt), sau khi phạm tội đã bỏ trốn trong thời gian dài, gây khó khăn cho Cơ quan điều tra và bị bắt theo Lệnh truy nã. Nên về hình phạt đặt ra đối với bị cáo phải nghiêm minh, cần một thời gian đủ dài cách ly xã hội mới có tác dụng của hình phạt để giáo dục, răn đe bị cáo nói riêng và phòng ngừa chung cho xã hội.

Xét, Quyết định kháng nghị phúc thẩm của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh là có căn cứ nên được chấp nhận; sửa bản án hình sự sơ thẩm về trách nhiệm hình sự của bị cáo, xét xử đối với bị cáo Lê Thành D, về tội: “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” theo quy định tại khoản 1 Điều 174 Bộ luật Hình sự 2015 (sửa đổi bổ sung năm 2017).

[3]. Về án phí: Do bản án sơ thẩm bị kháng nghị nên căn cứ vào Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015, bị cáo không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm theo quy định tại Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016

của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[4]. Các vấn đề khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ điểm b khoản 1 Điều 355; điểm c khoản 1, khoản 2 Điều 357 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015.

Chấp nhận Quyết định kháng nghị phúc thẩm số 54/QĐ-VKS ngày 05/10/2023 của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh; sửa bản án hình sự sơ thẩm số 206/2023/HS-ST ngày 07/9/2023 của Tòa án nhân dân quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh về phần trách nhiệm hình sự của bị cáo Lê Thành D.

2. Căn cứ khoản 1 Điều 174; các điểm b, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; khoản 3 Điều 7 Bộ luật Hình sự năm 2015 (đã được sửa đổi, bổ sung năm 2017).

Xử phạt bị cáo Lê Thành D 01 (một) năm 06 (sáu) tháng tù, về tội: “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”. Thời hạn tù tính kể từ ngày 18/4/2023.

3. Về án phí: Căn cứ Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015; Luật Phí và Lệ phí; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Bị cáo Lê Thành D không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

4. Các quyết định khác của bản án hình sự sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

5. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận: TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM

- TAND TC;(1) **THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

- TAND Cấp cao tại Tp . HCM;(1)

- VKSND Tp . HCM;(3)

- VKSND quận Gò Vấp; (1)

- THA-DS quận Gò Vấp; (1)

- TAND quận Gò Vấp; (2)

- Công an quận Gò Vấp; (1)

- Phòng PC 53 - CA Tp. HCM; (2)

- Bị cáo; (1)

- Bị hại; (1) **Nguyễn Tuấn Anh**

- Sở Tư pháp; (1)

- UBND nơi bị cáo cư trú; (1)

- Lưu, hình sự, hồ sơ. (22) (4)

